

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Quế Lan**

2. Bà **Ngô Thị Út Hậu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Dũng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: 282/25A, khóm Mỹ L, phường Mỹ P, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 078/10, khu vực Bình Phước, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Vào khoảng năm 2010, bà và ông A tiến tới quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà có 01(một) người con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/3/2012 hiện tại đang sống với ông A. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa về tình cảm và kinh tế trong gia đình, nên thường xuyên cãi vã, hai bên có giành thời gian hàn gắn nhưng không có kết quả nên bà T đã ra ngoài sống riêng, ly thân từ đó đến nay. Nay, bà T thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài cuộc hôn nhân, vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông A.

Về con chung: Bà có nguyện vọng để cho ông A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến ông Nguyễn Thanh A:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến bà T xin ly hôn: Ông A thống nhất với nội dung bà T trình bày. Nay, ông A cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà T

Về con chung: Ông thống nhất có 01(một) người con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/3/2012 hiện tại đang sống với ông, nay ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu, bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông A xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông A khai nhận có nợ chung vay bên ngoài số tiền 400.000.000 đồng để bà T làm vốn kinh doanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh A chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay các bên yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1,7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[2] *Về tố tụng*: Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

[3.1]. Xét quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay, các bên tranh chấp yêu cầu giải quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trường hợp của các đương sự không đăng ký kết hôn, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3.2]. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự, giao cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 04/3/2012 hiện tại đang sống với ông A cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu, bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.3]. Về tài sản chung: Các bên khai nhận không có, nên không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Ông A khai nhận có nợ chung vay bên ngoài số tiền 400.000.000 đồng để bà T làm vốn kinh doanh. Hội đồng xét xử xét thấy, ông A chỉ khai nhận chung chung, không có tài liệu, chứng cứ gì kèm theo, đồng thời ông A cũng không có yêu cầu tòa án giải quyết, và ông cũng vắng mặt tại tòa, nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết trong cùng một vụ án. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác nếu đương sự có yêu cầu.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị Kim T với ông Nguyễn Thanh A

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 04/3/2012 cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T theo quy định chung của pháp luật.

Về tài sản chung: Các bên khai nhận không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác nếu đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003255 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí (công nhận bà T đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ô,
- Chi cục THA Q. Ô,
- Đương sự,
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Trần Văn Mẫn